

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 129/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 10/6/2021.

V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phùng Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Xuân

2. Ông Phan Thành Tài

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hải Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hạnh Quyên – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 280/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2020, về việc: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Nguyễn Thu T, sinh năm 1995.

Trú tại: Thôn 1, xã L, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: Anh Hồ Chí T, sinh năm 1987.

Trú tại: Tổ 3, thôn A, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

(Chị T có mặt, anh T1 vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Chị Trần Nguyễn Thu T trình bày:

Tôi và Anh Hồ Chí T1 tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau và có con chung vào năm 2017 sau đó vào năm 2019, chúng tôi đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã M, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Sau khi kết hôn chúng tôi sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tôi xin việc được ở quê dạy mầm non. Tôi có nói anh T1 vào quê tôi chung sống làm việc, nuôi con nhưng anh T1 không đồng ý. Với nghề lái xe và làm xây dựng thì tôi có thể xin việc tại quê cho anh T1 cùng sống nhưng anh thích sống tại Đà Nẵng. Tự anh sống phần anh không chăm lo

cho gia đình và con. Từ đó vợ chồng chúng tôi thường xuyên cãi vã nhau. Vợ chồng chúng tôi sống ly thân với nhau từ cuối năm 2019 cho đến nay, phần ai người đó sống. Anh T1 không quan tâm đến vợ con. Một mình tôi nuôi con anh T1 không quan tâm. Nay tôi thấy tình cảm không còn nên xin được ly hôn với Anh Hồ Chí T1.

- Về con chung: Vợ chồng chúng tôi có 01 con chung tên là Hồ Trần Gia B, sinh ngày 02/8/2017.

Nếu ly hôn nguyện vọng của tôi là xin nuôi cháu B đến 18 tuổi, trưởng thành, không yêu cầu anh T1 dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Vợ chồng chúng tôi không có.

- Nợ chung: Vợ chồng chúng tôi không nợ ai và không cho ai mượn nợ.

* Bị đơn Anh Hồ Chí T1 không đến Tòa án, không có bản tự khai, không có lời trình bày tại biên bản hòa giải. Tòa án đã niêm yết, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư Ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, trình tự thu thập chứng cứ là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn Chị Trần Nguyễn Thu T được ly hôn với Anh Hồ Chí T1. Về con chung, nuôi con đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ lời trình bày của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam;

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án có bị đơn Anh Hồ Chí T1 cư trú tại huyện T, tỉnh Quảng Nam. Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn Anh Hồ Chí T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Các văn bản đã tổng đạt, niêm yết tại nhà bị đơn và tại UBND xã B, huyện T nơi bị đơn cư trú. Nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt không có lý do tại các buổi hòa giải cũng như tại phiên tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về nội dung vụ án: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa Chị Trần Nguyễn Thu T và Anh Hồ Chí T1 có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 21, do Ủy ban nhân dân xã L, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 08/5/2019, xác định Chị T và anh T1 là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn, Chị T xác định vợ chồng sống không hạnh

phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn theo Chị T là do anh T1 không lo làm ăn, không chăm lo được cho gia đình nên vợ chồng anh chị thường xuyên cãi vả nhau. Vợ chồng anh chị sống ly thân với nhau từ năm 2019 đến nay, vợ chồng phần ai nấy sống, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án muốn tiến hành hòa giải cho các bên đoàn tụ chung sống, nhưng anh T1 không đến tòa án để hòa giải. Hội đồng xét xử thấy các bên đương sự không thật sự mong muốn sống bên nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu có kéo dài thì cuộc sống hôn nhân cũng không có, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của Chị Trần Nguyễn Thu T xin được ly hôn với Anh Hồ Chí T1.

[3] Về con chung: Chị T khai vợ chồng chị và anh T1 có 01 con chung tên là Hồ Trần Gia B, sinh ngày 02/8/2017. Nguyên vọng của Chị T xin được nuôi cháu B. Do bị đơn Anh Hồ Chí T1 vắng mặt nên không thể biết nguyện vọng của anh T1 có muốn nuôi con hay không. Trong khi cháu B từ trước đến nay vẫn đang được Chị T nuôi dưỡng tốt mặc dù anh T1 không đến thăm con và cấp dưỡng nuôi con. Theo đề nghị của Kiểm sát viên và nguyện vọng của Chị T. Hội đồng xét xử giao cháu B cho Chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với tình hình thực tế và đúng pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc của hai bên thì Tòa án có thể quyết định cho thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[3.1] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy Chị T hiện là giáo viên có thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi con và không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Chị T khai vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung và cho mượn nợ: Chị T khai vợ chồng không nợ ai và không cho ai mượn nợ, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Nguyễn Thu T phải chịu số tiền: 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Được tính trừ vào số tiền: 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí mà Chị T đã nộp theo biên lai thu số 0005683 ngày 23/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Nam.

[7] Các bên đương sự có quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo theo quy định tại các Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[8] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều a khoản 1 Điều 35; Điều a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 146; Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 2; Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Chị Trần Nguyễn Thu T. Chị Trần Nguyễn Thu T được ly hôn với Anh Hồ Chí T1.

2. Về con chung, nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung: Công nhận vợ chồng Chị T và anh T1 có 01 con chung tên là: Hồ Trần Gia B, sinh ngày 02/8/2017.

2.1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Chị Trần Nguyễn Thu T. Giao cháu Hồ Trần Gia B, sinh ngày 02/8/2017 cho Chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom chăm sóc giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc của hai bên thì Tòa án có thể quyết định cho thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Chị T khai vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung và cho mượn nợ: Chị T khai vợ chồng không nợ ai và không cho ai mượn nợ, Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Nguyễn Thu T phải chịu số tiền: 300.000 (Ba trăm ngàn đồng). Được tính trừ vào số tiền: 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí mà Chị T đã nộp theo biên lai thu số 0005683 ngày 23/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Nam.

6. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để xin Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND – VKSND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THA.DS huyện T;
- UBND xã M;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký tên, đóng dấu)**

Đặng Phùng Thành